

## Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v lý hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Thanh T và anh Lê Mạnh Kết hôn trên cơ sở tự nguyện theo phong tục tập quán vào năm 2016; đến ngày 26/9/2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Hải An, thành phố Hải Phòng; đến nay có hai con chung.

Sau tổ chức hôn lễ vợ chồng về chung sống với gia đình anh N tại tổ dân phố Đ, phường T, quận Hải An, Hải Phòng, được mấy tháng thì giữa anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong suy nghĩ và trong cuộc sống hàng ngày và kinh tế gia đình. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T và anh N thời gian tìm hiểu ngắn, nên không biết được tính cách, hoàn cảnh gia đình của nhau cũng như khoảng cách về tuổi tác. Đến năm 2019, khi con thứ hai được tám tháng chị T và anh N đã ly thân một thời gian do mâu thuẫn gay gắt. Sau đó, do thương các con còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ nên chị T đã quay về để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, chỉ chung sống được mấy tháng mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị về tình cảm cũng như về kinh tế càng ngày càng trầm trọng không thể hòa giải, chị T xác định không thể tiếp tục chung sống với anh N nữa nên đã đưa các con về nhà ngoại và ly thân với anh N từ đó đến nay. Nay chị T nhận thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hòa giải tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh Lê Mạnh Nhữ sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị T và anh N có 02 con chung là Lê Thị Bảo H sinh ngày 03/9/2016 và Lê Đức K sinh ngày 11/9/2018. Ly hôn anh N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc hai con và chị T nhận thấy do hiện tại chị chưa có công việc, nơi ở ổn định nên chị đồng ý giao cả hai con cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị T sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T và anh N không có tài sản chung nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí chị T nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

Bị đơn là anh Lê Mạnh N trình bày trong bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa như sau:

Anh N thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian điều kiện hoàn cảnh kết hôn. Trong quá trình chung sống ban đầu hòa thuận, không xảy ra cãi vã hay xô xát gì. Tuy nhiên, chị T cho rằng anh không quan tâm chăm sóc đến vợ con mặc dù anh làm một lúc nhiều việc để lo kinh tế cho cả gia đình. Bên cạnh đó, quê ngoại chị T ở xa, việc đi về rất tốn kém và mất thời gian trong khi kinh tế gia đình chưa có, anh đã phân tích cho chị T nhưng chị T không tiếp thu vẫn hay thường xuyên về quê chơi và kết bạn khác giới qua Zalo, Facebook. Năm 2019, chị T bỏ nhà đi khi cháu thứ hai mới 08 tháng tuổi. Anh có lên khuyên nhủ để chị T về đoàn tụ và chăm lo cho các con nhỏ nhưng chỉ được một năm chung sống hòa thuận thì đến cuối năm 2020 chị T mang hai con bỏ đi không nói gì với anh và gia đình và gửi đơn ly hôn tới Tòa án. Anh đã lên gia đình ngoại để gặp và khuyên nhủ chị T về đoàn tụ nhưng không thành, anh đón cả hai con về. Tại phiên tòa anh N nhận thấy mâu thuẫn anh chị không cải thiện được, nay chị T kiên kiên quyết xin ly hôn anh đồng ý ly hôn chị T.

- Về con chung: Anh N xác nhận anh chị có 02 con chung là Lê Thị Bảo H sinh ngày 03/9/2016 và Lê Đức K sinh ngày 11/9/2018. Hiện các cháu vẫn được anh chăm sóc chu đáo, anh đi làm có thu nhập ổn định và nhà ở. Ly hôn, anh N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Đinh Thị Thanh T có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm như đã nêu trong đơn khởi kiện và trong suốt quá trình giải quyết vụ án của mình.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ của chính quyền địa phương và đại diện gia đình chị Tâm, anh Nhượng: Chị Đinh Thị Thanh T và anh Lê Mạnh Kết hôn trên cơ sở tự nguyện theo phong tục tập quán vào năm 2016; đến ngày 26/9/2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Hải An, thành phố Hải Phòng; đến nay có hai con chung.

Sau tổ chức hôn lễ vợ chồng về chung sống với gia đình anh N tại tổ dân phố Đ, phường Tràng Cát, quận Hải An, Hải Phòng, được mấy tháng thì giữa anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T và anh N luôn bất đồng quan điểm sống, cách sống, hơn nữa có sự mâu thuẫn giữa hai gia đình anh N và chị T tác động quan hệ vợ chồng anh chị. Đến năm 2019, khi con thứ hai được tám tháng chị T và anh N đã ly thân một thời gian do mâu thuẫn gay gắt. Sau anh N và gia đình khuyên giải, nên chị T đã quay về vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, chỉ chung sống được mấy tháng mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị về tình cảm cũng như về kinh tế càng ngày càng trầm trọng, chị T đã đưa các con về nhà ngoại và ly thân với anh N từ đó đến nay. Nay chị T xin ly hôn, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, đại diện gia đình chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh Nhượng, đại diện gia đình anh N đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh chị về đoàn tụ, nếu chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo theo nguyện vọng của anh chị.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; Đồng thời phát biểu quan điểm về nội dung giải quyết vụ án trên cơ sở đánh giá, phân tích về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử

Căn cứ Điều 55; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thị Thanh T và anh Lê Mạnh Nhượng. Giao hai cháu Lê Thị Bảo H sinh ngày 03/9/2016 và Lê Đức K sinh ngày 11/9/2018 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Chị T chịu cả án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về tố tụng: Chị Đinh Thị Thanh T có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Lê Mạnh Nhượng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Thanh T và anh Lê Mạnh Nhượng kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tràng Cát, quận Hải An, thành phố Hải Phòng ngày 26/9/2017 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống: Thời gian đầu hòa thuận được mấy tháng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N và chị T do có khác biệt về tuổi tác, suy nghĩ và quan điểm sống nên dẫn đến việc không có sự cảm thông, tin tưởng và thấu hiểu nhau, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung về tình cảm và kinh tế gia đình. Cả hai đã ly thân mỗi người một nơi từ giữa năm 2020 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải tuy anh N không đồng ý ly hôn nhưng không thực sự đưa ra biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ. Tại phiên tòa chị T kiên quyết đề nghị được ly hôn, anh N đồng ý ly hôn chị T. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa hai anh chị đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, Tại phiên tòa anh N và chị T cùng đề nghị được ly hôn, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh N xác nhận có 02 con chung là Lê Thị Bảo H sinh ngày 03/9/2016 và Lê Đức K sinh ngày 11/9/2018. Chị T chưa có công việc, nơi ở ổn định, chưa có khả năng chăm sóc con nên chị T đồng ý giao cả hai con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Đề nghị này của chị T cũng

đồng nhất với quan điểm của anh Nhượng, bên cạnh đó, HĐXX xét thấy anh N có công việc và nơi sinh hoạt ổn định, cả hai con chung được anh N chăm sóc chu đáo từ khi anh chị ly thân đến nay nên việc giao cả 02 con chung là Lê Thị Bảo H sinh ngày 03/9/2016 và Lê Đức K sinh ngày 11/9/2018 cho anh Lê Mạnh N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quyền và lợi ích cho các con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Cả hai đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Cả hai đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đinh Thị Thanh T nhận chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thị Thanh T với anh Lê Mạnh N.

2. Về con chung: Giao cả hai con chung 02 con chung là Lê Thị Bảo H sinh ngày 03/9/2016 và Lê Đức K sinh ngày 11/9/2018 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Việc cấp dưỡng nuôi con cả hai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét giải quyết. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Cả hai đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đinh Thị Thanh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chị T đã nộp đủ theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí sơ thẩm số 0017787 ngày 06/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Tràng Cát, quận Hải An, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Văn Thường**